

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HS-ST
Ngày: 19-02-2020.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Tiến Thịnh; bà Tạ Thanh Nhạn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Tô Hồng Thái- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 208/2019/HSST ngày 03 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2019/QĐXXST-HS ngày 12/12/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/QĐST-HS ngày 20/12/2019; quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐST-HS ngày 30/12/2019; quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-HS ngày 20/01/2020 đối với các bị cáo:

1. Đào Ngọc T, sinh ngày 15/11/1967; giới tính: Nam; đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn (văn hóa): 10/10; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Đào Xuân N, sinh năm 1939 và con bà Phạm Thị L, sinh năm 1938; gia đình bị cáo có 7 anh em, bị cáo là con thứ 4; có vợ là Nguyễn Thị M, sinh năm 1970, có 03 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 2007. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Năm 1986 tham gia nghĩa vụ quân sự đến năm 1989 xuất ngũ về địa phương sinh sống. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/8/2019, đến ngày 25/11/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng hình thức bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Đào Ngọc Q, sinh ngày 12/10/1977; giới tính: Nam; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình; nơi tạm trú: Tổ 08, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn (văn hóa): 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Đào Xuân N, sinh năm 1939 và con bà Phạm Thị L, sinh năm: 1938; gia đình bị cáo có 7 anh em, bị cáo là con thứ 7; có vợ là Nguyễn Bích T, sinh năm

1980, có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2011. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/8/2019, đến ngày 15/11/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng hình thức bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Vũ Thị R, sinh ngày 13/7/1969; giới tính: Nữ; đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Tổ 24, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn (văn hóa): 10/10; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Vũ Văn G và con bà Vũ Thị C (đều đã chết); gia đình bị cáo có 2 anh em, bị cáo là con thứ 2; có chồng là Ngô Hồng L (đã chết), có 02 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1999. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Quyết định xử phạt hành chính số 40/QĐ/XPHC ngày 03/01/2006 về hành vi đánh bạc. Bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/8/2019 đến nay; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Vũ Bích V, sinh ngày 12/5/1969; giới tính: Nữ; đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Tổ 57, phường X, thành phố T, tỉnh Thái Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn (văn hóa): 10/10; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Vũ Văn K, sinh năm 1933 và con bà Phạm Thị T, sinh năm 1939; gia đình bị cáo có 5 anh em, bị cáo là con thứ 4; có chồng là Trần Quốc N, sinh năm 1970, có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2003. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 26/QĐ/XPHC ngày 24/01/2008 về lĩnh vực an ninh trật tự. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/8/2019, đến ngày 15/11/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng hình thức bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Đào Ngọc T có quen biết một số người ở thành phố Thái Bình và có mua, bán số lô đề trái phép với họ. Do nhà ở xa nên bị cáo T đã thuê em trai là bị cáo Đào Ngọc Q để hàng ngày bị cáo Q giúp bị cáo T liên hệ với từng người mua số lô đề để thanh toán tiền thắng thua với họ, nếu có ai muốn mua số lô đề thì giới thiệu người đó với bị cáo T để bị cáo T thỏa thuận mua, bán số lô đề, bị cáo T trả cho bị cáo Q 5.000.000 đồng/tháng.

Bị cáo T thống nhất với bị cáo Q và những người mua số lô đề là bị cáo T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy A7 lắp sim số điện thoại 0357168895 đăng ký tài khoản Zalo là "An Du" để hàng ngày những người mua số lô đề gọi điện, nhắn tin SMS cho bị cáo T để mua số lô, đề. Khi khách mua số lô đề nhắn tin cho bị cáo T thì bị cáo T sẽ nhắn lại là "ok" hoặc nhắn "1,2.." phụ thuộc vào số tin nhắn là hoàn thành giao dịch. Đến khi có kết quả xổ số miền

Bắc, bị cáo T sẽ đối chiếu xem những số lô, đề khách mua có trúng hay không, số tiền trúng là bao nhiêu rồi dùng tiền trúng trừ đi tiền khách mua số lô đề sẽ ra số tiền bị cáo T và khách cần thanh toán với nhau. Sau đó bị cáo T ghi tên của từng khách, số tiền cần thanh toán ra tờ giấy A4 và dùng điện thoại chụp ảnh lại gửi đến Zalo "QP" của bị cáo Q được đăng kí bằng 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu NOKIA Lumina có sim số 0338563078. Bị cáo T cũng cho bị cáo Q số điện thoại, số Zalo của các khách mua số lô đề để bị cáo Q liên lạc với khách mà thanh toán tiền thắng thua lô đề. Bị cáo Q dùng số tiền thu được của người thua để trả cho người thắng nếu còn dư thì chuyển lại cho bị cáo T nếu thiếu tiền thì bị cáo T sẽ đưa tiền cho bị cáo Q trả, bị cáo Q xuống nhà bị cáo T lấy tiền hoặc bị cáo T mang lên thành phố Thái Bình đưa cho bị cáo Q. Đến 17 giờ ngày hôm sau bị cáo Q sẽ báo lại với bị cáo T là đã thanh toán tiền với những ai, số tiền còn nợ với những ai. Nếu sau 17 giờ mà giữa bị cáo T và bị cáo Q không liên lạc được thì có thể bị lực lượng công an phát hiện. Một trong 2 người sẽ xóa các tin nhắn liên quan đến số lô đề và thông báo đến những người mua số lô đề tạm dừng việc nhận bằng lô đề và xóa các nội dung liên quan đến việc mua bán số lô đề ở trong điện thoại để tránh sự phát hiện của lực lượng công an.

Bị cáo Đào Ngọc T và bị cáo Vũ Thị R có quen biết xã hội với nhau, từ khoảng tháng 04 năm 2019. Hằng ngày bị cáo R bán xổ số ở ven đường nên bị cáo R đã đặt vấn đề với bị cáo T là muốn mua số lô đề của bị cáo T, bị cáo T đồng ý. Bị cáo T và bị cáo R thống nhất với nhau: Bị cáo R sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO R1S, có lắp sim số 0975218315 đăng ký tài khoản Zalo là "Zin Zin" để nhắn tin mua số lô đề bằng dạng văn bản trong đó ghi cụ thể những số lô, số đề, số vạch lô đề cần mua hoặc viết ra giấy rồi chụp ảnh và gửi tin nhắn đến Zalo "An Du" của bị cáo T. Bị cáo T nhận được tin nhắn thì nhắn lại "ok" hoặc nhắn "1,2.." phụ thuộc vào số tin nhắn bị cáo R gửi mua lô đề là hoàn thành giao dịch. Khi có kết quả xổ số trong ngày bị cáo T sẽ đối chiếu để biết bị cáo R có trúng lô, đề như thế nào, sau đó đối trừ tiền bị cáo R đã mua lô đề rồi chốt tiền cần thanh toán gửi cho bị cáo Q. Ngày hôm sau bị cáo Q sẽ liên lạc với bị cáo R để thanh toán tiền thắng thua lô đề. Bị cáo T bán cho bị cáo R giá lô đề như sau: 1 vạch đề giá 700 đồng, nếu trúng bị cáo T phải trả cho bị cáo R 70.000 đồng/1 vạch; 1 vạch lô giá 21.600 đồng, nếu trúng bị cáo T phải trả cho bị cáo R 80.000 đồng/1 vạch.

Ngày 12/8/2019, bị cáo Vũ Thị R đã dùng số tiền 34.975.500 đồng để mua của bị cáo Đào Ngọc T 49.965 vạch đề. Đối chiếu với kết quả xổ số ngày 12/8/2019 thì bị cáo R trúng số 59 được 458 vạch đề với số tiền 32.060.000 đồng. Tổng tiền đánh bạc là 67.035.500 đồng.

Số lô đề mà bị cáo Vũ Thị R mua của bị cáo Đào Ngọc T trong ngày 12/8/2019, bị cáo R bán cho bị cáo Vũ Bích V để hưởng tiền chênh lệch. Cụ thể: Do bị cáo R và bị cáo V là bạn bè quen biết nhau. Đến đầu năm 2019, bị cáo R

và bị cáo V thỏa thuận mua, bán số lô đề với nhau và thống nhất: Hằng ngày, bị cáo V sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J2 có sim (do sim không đăng ký tên người sử dụng nên bị cáo V không nhớ số, bị cáo V đã làm mất điện thoại này) đăng ký tài khoản Zalo “Tài lộc” để nhắn tin văn bản hoặc viết ra giấy số đề, lô cần mua, chụp ảnh lại gửi đến tài khoản zalo “Zin Zin” của bị cáo R. Nếu bị cáo R chấp nhận thì nhắn lại "ok" hoặc nhắn "1,2..." phụ thuộc vào số tin nhắn bị cáo V gửi mua số đề. Giá bị cáo R phải trả cho bị cáo V là 01 vạch đề là 710 đồng, nếu trúng bị cáo R phải trả cho bị cáo V 70.000 đồng/1 vạch; 01 vạch lô là 21.800 đồng, nếu trúng bị cáo R phải trả cho bị cáo V 80.000 đồng/1 vạch. Hằng ngày khi có kết quả xổ số, bị cáo R sẽ đối chiếu để biết bị cáo V có trúng lô, đề như thế nào, sau đó đối trừ tiền bị cáo V đã mua lô đề rồi chốt tiền thắng thua. Đến khi nào tổng số tiền đến 30.000.000 đồng thì sẽ hẹn gặp nhau để thanh toán. Ngày 12/8/2019, bị cáo V dùng 35.475.150 đồng để mua 49.965 vạch đề. Bị cáo V trúng được 458 vạch đề số 59, được 32.060.000 đồng. Tiền đánh bạc là 67.535.150 đồng. Đối trừ thắng thua bị cáo V phải trả cho bị cáo R số tiền là 3.415.150 đồng. Như vậy, bị cáo R được hưởng 499.650 đồng tiền chênh lệch từ việc bán 49.965 vạch đề của bị cáo V chuyển cho bị cáo T trong ngày 12/8/2019. Do bị cáo V và bị cáo R đã mua bán lô đề với nhau từ đầu tháng 8 năm 2019, đến hết ngày 11/8/2019 bị cáo V bị thua và đang nợ bị cáo R số tiền 31.510.000 đồng. Do vậy, vào khoảng 15 giờ ngày 13/8/2019 bị cáo V đã hẹn gặp bị cáo R tại đường L khu vực gần cổng chợ Đ và trả cho bị cáo R số tiền 34.925.000 đồng. Sau khi chốt tiền cần thanh toán các bị cáo đã xóa hết các tài liệu thể hiện việc mua bán số lô đề của những ngày này nên cơ quan điều tra không thu giữ được. Bị can Vũ Thị R đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 40.000.000 đồng là tiền thu lợi bất chính do bán lô đề.

Bị cáo Vũ Thị R và bị cáo Đào Ngọc T còn khai nhận: Từ ngày 01/8/2019 đến ngày 11/8/2019, bị cáo R đã nhiều lần mua số lô đề của bị cáo T nhưng toàn bộ các dữ liệu thể hiện việc mua bán số lô đề không thu giữ được nên không đủ căn cứ để làm rõ hành vi đánh bạc giữa các bị cáo trong khoảng thời gian nói trên.

Vật chứng, tài liệu đã quản lý gồm: 06 chiếc điện thoại các loại; 12 tờ giấy A4 là bảng kê do bị cáo Q viết ra để đi thanh toán tiền với khách mua số lô đề và số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

Cáo trạng số 217/CT-VKSTP ngày 30/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố các bị cáo Đào Ngọc T và Đào Ngọc Q về tội: “Tổ chức đánh bạc” theo điểm c, d khoản 1 điều 322 Bộ luật hình sự; truy tố các bị cáo Vũ Thị R và Vũ Bích V về tội: “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 điều 321 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên toà, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử :

1. Áp dụng điểm c, d khoản 1, khoản 3 điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 17; điều 38; điều 50; điều 58 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Đào Ngọc T mức án tù 15 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời hạn đã tạm giam. Phạt bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Áp dụng điểm c, d khoản 1, khoản 3 điều 322; điểm s khoản 1 điều 51; điều 17; điều 65; khoản 3 điều 35; điều 50; điều 58 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Đào Ngọc Q mức án tù 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

3. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 điều 321; điểm s khoản 1 điều 51; điều 17; điều 65; điều 50; điều 54; điều 58 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Vũ Thị R từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

4. Áp dụng b khoản 2, khoản 3 điều 321; điểm s khoản 1 điều 51; điều 17; điều 65; điều 50; điều 54; điều 58 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Vũ Bích V từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

5. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

5.1. Buộc bị cáo Đào Ngọc T nộp lại số tiền 32.060.000 đồng dùng để đánh bạc để sung ngân sách nhà nước.

5.2. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 35.475.150 đồng bị cáo Vũ Thị R dùng để đánh bạc và số tiền 499.650 đồng bị báo R thu lợi bất chính.

5.3. Trả lại bị cáo Vũ Thị R 4.025.200 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

5.4. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy A7 lắp sim số 0357168895 thu giữ của bị cáo Đào Ngọc T.

5.6. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA Lumina, lắp sim số 0338563078 thu giữ của bị cáo Đào Ngọc Q.

5.7. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO R1S, có lắp sim số 0975218315 thu giữ của bị cáo Vũ Thị R.

5.8. Trả lại bị cáo Đào Ngọc T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung A9 có lắp sim số 0978545430, đã qua sử dụng; trả lại bị cáo Đào Ngọc Q 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, vỏ màu vàng, có lắp sim số 0986179886, đã qua sử dụng; trả lại bị cáo Vũ Thị R 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5 Prime có số IMEI: 355079080372472, 355079080372470, lắp sim số 0916051569, đã qua sử dụng nhưng tiếp tục quản lý của các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

6. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

7. Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định.

Các bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố, không tranh luận gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình; bị cáo T xin giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo Q, R, V xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình; cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình và Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã khai tại cơ quan điều tra, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo là chứng cứ kết tội lẫn nhau, ngoài ra còn được chứng minh bằng các chứng cứ như: Biên bản khám xét (bút lục số 46 đến

số 51); biên bản quản lý đồ vật, tài liệu và biên bản kiểm tra điện thoại (bút lục số 105 đến số 144); biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ (bút lục số 145 đến 149); hình ảnh mua số lô, số đề in từ Zalo và bảng kê số lô, số đề (bút lục số 467 đến số 480; số 492 đến số 495; số 549 đến số 557); kết quả trả lời điện tín (bút lục số 60 đến số 62); bản kết quả sổ xổ kiến thiết miền Bắc mở thường hồi 18 giờ 15 phút thứ 2 ngày 12/8/2019 (bút lục số 67); biên bản nhận dạng lập hồi 15 giờ ngày 17/8/2019 tại Công an thành phố T và bản ảnh nhận dạng (bút lục số 68 đến số 75). Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với các chứng cứ khác về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong ngày 12/8/2019, bị cáo Đào Ngọc T đã tổ chức cho các bị cáo Vũ Thị R và Vũ Bích V đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức ghi số đề trái phép thông qua việc gửi tin nhắn qua điện thoại di động có kết nối mạng viễn thông. Bị cáo Đào Ngọc T đã thuê bị cáo Đào Ngọc Q thực hiện thanh toán tiền thắng thua lô đề cho người mua với tiền công của bị cáo Q là 5.000.000 đồng/tháng. Trong đó: Bị cáo Vũ Bích V đã dùng số tiền 35.475.150 đồng mua của bị cáo Vũ Thị R và trúng được 32.060.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 67.535.150 đồng. Bị cáo Vũ Thị R đã chuyển toàn bộ số đề đã bán cho bị cáo V đến bị cáo T với số tiền là 34.975.500 đồng, thắng 32.060.000 đồng. Tổng tiền đánh bạc là 67.035.500 đồng. Bị cáo T thu lời bất chính 2.915.500 đồng, bị cáo Vũ Thị R được hưởng lợi từ chênh lệch giá bán lô đề là 499.650 đồng. Vì vậy, các bị cáo Đào Ngọc T và Đào Ngọc Q đã phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm c, d khoản 1 điều 322 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Vũ Thị R và Vũ Bích V đã phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 321 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Điều 321 Bộ luật hình sự, tội "Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc" quy định: *1. Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: a)...c) Tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên; d) Có tổ chức nơi cầm cố tài sản cho người tham gia đánh bạc; có lắp đặt trang thiết bị phục vụ cho việc đánh bạc hoặc phân công người canh gác, người phục vụ khi đánh bạc; sắp đặt lối thoát khi bị vây bắt, sử dụng phương tiện để trợ giúp cho việc đánh bạc; ... 3) Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản....* Điều 321 Bộ luật Hình sự, tội “Đánh bạc” quy định: *1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi*

phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm... 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm: a) Có tính chất chuyên nghiệp; b) Tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc trị giá 50.000.000 đồng trở lên; ...3) Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 triệu đồng.

[4] Xét tính chất mức độ hậu quả của vụ án thì thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, đi ngược lại thuần phong mỹ tục của dân tộc ta. Tổ chức đánh bạc và đánh bạc là một tệ nạn xã hội, gây nên dư luận xấu trong nhân dân. Các bị cáo đã thực hiện hành vi sát phạt nhau, chiếm đoạt tài sản của nhau một cách bất hợp pháp, điều đó chẳng những thể hiện việc coi thường kỷ cương pháp luật, coi thường giá trị sức lao động của con người, mà còn có thể là nguyên nhân phát sinh các tội phạm khác trong xã hội. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với hành vi, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo nói riêng và góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội.

[5] Tội phạm “Tổ chức đánh bạc” mà các bị cáo Đào Ngọc T và Đào Ngọc Q thực hiện trong vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo T là người khởi xướng, thuê bị cáo Q để bán lô đề trái phép nên bị cáo giữ vai trò chính và phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo Q. Bị cáo Q đồng phạm với bị cáo T với vai trò giúp sức, bị cáo đã thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc rất tích cực nên bị cáo giữ vai trò thứ hai và phải chịu mức hình phạt thấp hơn bị cáo T. Tội phạm “Đánh bạc” mà các bị cáo Vũ Thị R và Vũ Bích V thực hiện trong vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo Vũ Thị R thực hiện hành vi bán số lô đề cho bị cáo V rất tích cực và đã thu lời bất chính, bị cáo Vũ Bích V dùng số tiền 34.975.500 đồng để đánh bạc nên bị cáo đồng phạm tội đánh bạc với bị cáo R, hai bị cáo có vai trò ngang nhau và phải chịu mức hình phạt bằng nhau.

[6] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[6.1] Các bị cáo Đào Ngọc T và Đào Ngọc Q có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Đào Ngọc T có thời gian tham gia quân đội nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo Đào Ngọc T là người khởi xướng, thuê bị cáo Q thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc và thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã

hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tại phiên toà là phù hợp. Cần phạt bổ sung đối với bị cáo là phạt tiền theo quy định tại khoản 3 điều 321 Bộ luật hình sự. Bị cáo Q có nơi cư trú rõ ràng, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo có khả năng tự cải tạo nên áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tại phiên toà là phù hợp. Cần phạt bổ sung đối với bị cáo là phạt tiền theo quy định tại khoản 3 điều 322 Bộ luật hình sự.

[6.2] Bị cáo Vũ Thị R tuy đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc năm 2006 nhưng đã được xóa nên bị cáo coi như chưa bị xử phạt hành chính, bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự giác nộp lại số tiền hưởng lợi từ việc đánh bạc nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo có khả năng tự cải tạo nên cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tại phiên toà là phù hợp. Cần phạt bổ sung đối với bị cáo là phạt tiền theo quy định tại khoản 3 điều 321 Bộ luật hình sự.

[6.3] Bị cáo Vũ Bích V tuy đã bị xử phạt hành chính về hành vi vi phạm trong lĩnh vực an ninh trật tự năm 2008 nhưng đã được xóa nên bị cáo coi như chưa bị xử phạt hành chính, bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo có khả năng tự cải tạo nên cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tại phiên toà là phù hợp. Cần phạt bổ sung đối với bị cáo là phạt tiền theo quy định tại khoản 3 điều 321 Bộ luật hình sự.

[7] Về vật chứng vụ án:

[7.1] Đối với số tiền 32.060.000 đồng bị cáo Đào Ngọc T dùng để đánh bạc nên áp dụng điểm b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự buộc bị cáo T nộp lại để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[7.2] Đối với số tiền 40.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Vũ Thị R, trong đó: 35.475.150 đồng bị cáo R dùng để đánh bạc và 499.650 đồng bị cáo R thu lợi bất chính nên áp dụng điểm b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự cần tịch thu

sung vào ngân sách nhà nước. Số tiền còn lại là 4.025.200 đồng trả lại bị cáo R nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

[7.3] Đối với 06 chiếc điện thoại di động các loại thu giữ của các bị cáo Đào Ngọc T, Đào Ngọc Q và Vũ Thị R mà Cơ quan điều tra đã thu giữ, xét thấy trong đó có 03 chiếc các bị cáo sử dụng vào việc nhắn tin đánh lô đề đây là những phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên áp dụng điểm a khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự và căn cứ vào điểm a khoản 2 điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. 03 chiếc còn lại là tài sản hợp pháp của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên căn cứ vào điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Đào Ngọc T và Đào Ngọc Q phạm tội “Tổ chức đánh bạc”. Các bị cáo Vũ Thị R và Vũ Bích V phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm c, d khoản 1, khoản 3 điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 17; điều 38; điều 50; điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Đào Ngọc T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời hạn đã tạm giam từ ngày 18/8/2019 đến ngày 25/11/2019, bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 23 ngày tù.

Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. 2. Áp dụng điểm c, d khoản 1, khoản 3 điều 322; điểm s khoản 1 điều 51; điều 17; điều 65; khoản 3 điều 35; điều 50; điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Đào Ngọc Q 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/02/2020.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.3. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 điều 321; điểm s khoản 1 điều 51; điều 17; điều 65; điều 50; điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Vũ Thị R 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/02/2020.

Phạt bị cáo 10.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2. 4. Áp dụng b khoản 2, khoản 3 điều 321; điểm s khoản 1 điều 51; điều 17; điều 65; điều 50; điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Vũ Bích V 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/02/2020.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường X, thành phố T, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

4. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

5.1. Buộc bị cáo Đào Ngọc T nộp lại số tiền 32.060.000 đồng dùng để đánh bạc để sung ngân sách nhà nước.

5.2. Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 35.475.150 đồng bị cáo Vũ Thị R dùng để đánh bạc và số tiền 499.650 đồng bị cáo R thu lợi bất chính.

5.3. Trả lại bị cáo Vũ Thị R 4.025.200 đồng nhưng giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Thái Bình tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

5.4. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy A7 lắp sim số 0357168895 thu giữ của bị cáo Đào Ngọc T.

5.5. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA Lumina, lắp sim số 0338563078 thu giữ của bị cáo Đào Ngọc Q.

5.6. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO R1S, có lắp sim số 0975218315 thu giữ của bị cáo Vũ Thị R.

5.7. Trả lại bị cáo Đào Ngọc T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung A9 có lắp sim số 0978545430, đã qua sử dụng; trả lại bị cáo Đào Ngọc Q 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, vỏ màu vàng, có lắp sim số 0986179886, đã qua sử dụng; trả lại bị cáo Vũ Thị R 01 điện thoại di

động nhãn hiệu Samsung J5 Prime có số IMEI: 355079080372472, 355079080372470, lắp sim số 0916051569, đã qua sử dụng nhưng giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Thái Bình tiếp tục quản lý của các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng nêu trên Cơ quan điều tra Công an thành phố T đã chuyển sang chi cục thi hành án dân sự thành phố T ngày 04/12/2019).

6. Về án phí: Căn cứ vào điều 106; điều 135; điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điều 21; điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14: Các bị cáo Đào Ngọc T, Đào Ngọc Q, Vũ Thị R và Vũ Bích V mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/02/2020.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quanĐT CATP.T;
- Cơ quan THAHS CATP.T;
- Bị cáo;
- UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình;
- UBND phường X, TP.T;
- UBND phường K, TP.T;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP.T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Thái